Đơn vị: Sở Công thương Ninh Bình
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 14 tháng 10 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2020	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**260.00**	**208.56**	**80.21**	
1	Lĩnh vực quản lý năng lượng: Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện …; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	100.00	139.17	139.17	84.21
2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp: Thẩm định thiết kế cửa hàng kinh doanh xăng dầu…	50.00	22.56	45.11	29.47
3	Phí thẩm định cấp giấy phép vật liệu nổ công nghiệp	25.00	9.03	36.12	57.33
4	Lĩnh vực hóa chất: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện SXKD hóa chất, xác nhận biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất	5.00	3.00	60.00	91.58
5	Lĩnh vực quản lý thương mại: Thẩm định, cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thương mại	70.00	25.20	36.00	53.58
6	Phí, lệ phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	0.00	3.04	0.00	0.00
7	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3.00	0.00	0.00	0.00
8	Lĩnh vực an toàn thực phẩm: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP, phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP	7.00	6.56	93.71	57.59
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**210.00**	**0.00**		
1	**Chi sự nghiệp**	**0.00**	**0.00**		
2	**Chi quản lý hành chính**	**210.00**	**0.00**		
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	210.00	0.00		
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0.00	0.00		
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**50.00**	**31.37**	**62.74**	

1	Lĩnh vực quản lý năng lượng: Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực: Tư vấn chuyên ngành điện lực, hoạt động bán lẻ điện hoạt động bán lẻ điện …; Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	10.00	13.92	139.17	84.21
2	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp: Thẩm định thiết kế cửa hàng kinh doanh xăng dầu…	1.00	2.26	225.56	29.47
3	Phí thẩm định cấp giấy phép vật liệu nổ công nghiệp	2.00	0.90	45.15	57.33
4	Lĩnh vực hóa chất: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện SXKD hóa chất, xác nhận biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất	0.50	0.30	60.00	91.58
5	Lĩnh vực quản lý thương mại: Thẩm định, cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thương mại	32.50	12.60	38.77	53.58
6	Phí, lệ phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	0.00	0.08	0.00	0.00
7	Lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3.00	0.00	0.00	0.00
8	Lĩnh vực an toàn thực phẩm: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện VSATTP, phí thẩm định xác nhận kiến thức ATTP	1.00	1.31	131.20	76.19
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**8749.21**	**5659.57**	**64.69**	**165.95**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**8749.21**	**5659.57**	**64.69**	**165.95**
1	Chi quản lý hành chính	8409.21	5659.57	67.30	165.95
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5884.40	4307.68	73.21	99.15
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2524.81	1351.89	53.54	182.15
1.2.1	*Dự toán giao đầu năm*	*2495.00*			
1.2.2	*Dự toán bổ sung trong năm*	*213.05*			
1.2.3	*Dự toán cắt giảm trong năm*	*183.24*			
2	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	10.00			
3	Chi hoạt động kinh tế	330.00			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0.00			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	330.00			
II	**Nguồn viện trợ**	**0.00**			
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	**0.00**			

Ninh Bình, ngày 14 tháng 10 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH NINH BÌNH

GIÁM ĐỐC

HOÀNG TRUNG KIÊN